

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2026/DS-ST
Ngày 25-3-2026
Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Khoa.

2. Ông Phan Thanh Hiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026 và Thông báo mở lại phiên tòa số 19/2026/TB-TA ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Ngọc N, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm: 1980; địa chỉ: Đường P, Tổ A, khu phố L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị L, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ H, khu phố V, phường P, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trần Ngọc N trình bày: Ông N có quen biết với bà Lê Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: phường P, thành phố Hồ Chí Minh, nên bà L có giới thiệu để ông N

cho ông **Trần Văn T**. Ngày 19/03/2025, ông **N** cho ông **Trần Văn T** vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Hai bên lập Hợp đồng vay tiền (Số công chứng: 787, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD) tại **Văn phòng C** Theo hợp đồng, thời hạn vay tiền là 15 (mười lăm) ngày sẽ hết hạn và ông **T** phải hoàn trả lại cho ông **N** số tiền gốc là 500.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất **Ngân hàng N1**. Sau khi ký hợp đồng vay, ông **N** chuyển khoản số tiền 475.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng) vào số tài khoản 1333333797979 tại **Ngân hàng M** đứng tên ông **Trần Văn T**. Do ông **T** cho lại bà **L** 25.000.000 đồng nên ông **N** chỉ chuyển khoản 475.000.000 đồng cho bà **L**. Số tiền 25.000.000 đồng, ông **N** đã đưa cho bà **L**. Đến chiều cùng ngày ông **T** có liên hệ với ông **N** để vay thêm 200.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất **Ngân hàng N1** và được ông **N** đồng ý. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập hợp đồng vay. Ông **N** đưa số tiền 200.000.000 đồng cho bà **Lê Thị L** để nhờ bà **L** chuyển khoản qua cho ông **T** vay. Tuy nhiên, sau này ông **N** mới biết ông **T** cho bà **L** 10.000.000 đồng nên bà **L** chỉ chuyển khoản cho ông **T** 190.000.000 đồng. Ngày 14/5/2025, ông **T** có ghi **xác nhận nợ cho ông N số tiền 700.000.000 đồng và hẹn lại ngày 15/5/2025 trả**. Từ khi vay đến nay, ông **T** không trả bất kỳ số tiền gốc và lãi nào cho ông **N** mặc dù ông **N** đã rất nhiều lần liên hệ với ông **T**. Tại phiên tòa hôm nay, ông **N** chỉ yêu cầu ông **Trần Văn T** phải trả cho ông **N** số tiền thực tế chuyển vào tài khoản của ông **T** là 665.000.000 đồng. Ông **N** không yêu cầu ông **T** thanh toán số tiền lãi.

- Về ý kiến của bị đơn **ông Trần Văn T**: Trong quá trình tố tụng ông **T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh tại **Công an phường T**, thành phố Hồ Chí Minh xác định ông **Trần Văn T** hiện nay vẫn đang sinh sống địa chỉ: **Đường P, Tổ A, khu phố L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh**.

- Theo bản tự khai đề ngày 12/01/2026 và trong quá trình tố tụng bà **Lê Thị L** trình bày: Bà **L** có quen với ông **Trần Ngọc N** và ông **Trần Văn T**. Do ông **T** có nhu cầu vay tiền nên bà **L** có giới thiệu cho ông **T** vay tiền của ông **N**. Ngày 19/03/2025, ông **N** cho ông **T** vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) tại **Văn phòng C1**, lúc đó bà **L** có đi đến phòng công chứng cùng. Ông **T** sau đó có cho lại bà **L** 25.000.000 đồng và ông **N** đã đưa cho bà **L** số tiền này. Do đó, ông **N** chỉ chuyển cho ông **T** số tiền 475.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày ông **T** có liên hệ ông **N** để vay thêm 200.000.000 đồng và ông **N** đưa tiền mặt cho bà **L** nhờ chuyển cho ông **T** vay. Ông **T** sau đó có cho bà **L** 10.000.000 đồng tiền ca fe nên bà **L** chỉ chuyển cho ông **T** 190.000.000 đồng, chuyển khoản từ số tài khoản của bà **L** là 0977380114 của **Ngân hàng TMCP Q (M1)** qua tài khoản của ông **T** là 93936768 của **Ngân hàng TMCP S (S1)**. Việc hai bên thỏa thuận về thời hạn vay

thể nào, lãi suất vay ra sao bà **L** không biết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Trần Văn T** có trách nhiệm trả cho ông **Trần Ngọc N** số tiền vay là 665.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện ông **Trần Văn T** về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự. Bị đơn địa chỉ cư trú tại **phường T, thành phố Hồ Chí Minh** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà **L** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **T** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông **N**, căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn, thể hiện:

Ông **Trần Văn T** có vay của ông **Trần Ngọc N** số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, tính từ ngày công chứng, lãi suất do hai bên thỏa thuận không trái quy định pháp luật, hai bên có ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 787, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD tại **Văn phòng C1** ngày 19/3/2025. Theo Bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng của ông **Trần Ngọc N** tại **Ngân hàng Đ, chi nhánh P - Phòng G**, thể hiện ngày 19/3/2025, ông **N** có chuyển qua số tài khoản của ông **Trần Văn T** số tiền 475.000.000 đồng. Ông **N** chỉ chuyển cho ông **T** 475.000.000 đồng do ông **T** có cho bà **L** 25.000.000 đồng nên ông **N** đã đưa cho bà **L** số tiền này.

Theo lời khai của ông **N**, chiều cùng ngày 19/3/2025, ông **T** tiếp tục hỏi vay ông **N** thêm 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, lãi suất do hai bên tự thỏa

thuận nhưng không vượt quá lãi suất **Ngân hàng N1**. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập hợp đồng vay. Ông **N** đồng ý và đưa 200.000.00 đồng tiền mặt để nhờ bà **L** chuyển khoản dùm cho ông **T**. Do ông **T** cho lại bà **L** 10.000.000 đồng nên bà **L** chỉ chuyển khoản cho ông **T** số tiền 190.000.000 đồng. Theo Sổ phụ chi tiết kiệm báo nợ/báo có ngày 13/01/2026 của **Ngân hàng TMCP Q, chi nhánh B** do bà **L** cung cấp thể hiện ngày 19/3/2025, bà **L** chuyển khoản từ số tài khoản 0977380114 qua số tài khoản của ông **Trần Văn T** là 93936768 tại **Ngân hàng TMCP S (S1)** số tiền 190.000.000 đồng. Tại trang sau của **Hợp đồng vay tiền** ngày 19/3/2025 do ông **N** cung cấp, có thể hiện ngày 14/5/2025, ông **T** có viết xác nhận với nội dung “ ...số tiền 700.000.000đ vay trước đó hẹn ngày mai trả là ngày 15/5/2025. Cam kết nội dung trên là chính xác”, có chữ ký và chữ viết của ông **Trần Văn T**. Ông **N** xác định từ khi vay đến nay ông **T** chưa trả bất kỳ số tiền gốc và lãi nào cho ông **N**.

Như vậy có căn cứ xác định ông **Trần Văn T** có vay tiền của ông **Trần Ngọc N** số tiền nêu trên là có thật, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên đã phát sinh. Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Ông **T** đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. Quá trình giải quyết, ông **N** chỉ yêu cầu ông **T** thanh toán tiền nợ gốc theo đúng số tiền đã chuyển khoản vào tài khoản của ông **T** là 665.000.000 đồng. Do đó, cần buộc ông **T** có trách nhiệm thanh toán cho ông **N** số tiền vay là 665.000.000 (sáu trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

[3] Về lãi suất: Ông **N** chỉ yêu cầu ông **T** thanh toán số tiền nợ gốc, không yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông **Trần Văn T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. **H** lại cho nguyên đơn ông **Trần Ngọc N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 119, 463; 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Ngọc N**, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông **Trần Văn T**.

1. Buộc ông **Trần Văn T** có trách nhiệm trả cho ông **Trần Ngọc N** số tiền vay là 665.000.000 (sáu trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Ông **Trần Văn T** phải nộp 30.600.000 (ba mươi triệu, sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. **H** lại cho ông **Trần Ngọc N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.217.397 (mười tám triệu, hai trăm mười bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031186 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/3/2026), **đương sự** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 – Tp HCM;
- Phòng THADS KV12- Tp HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai